



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 04 năm 2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

*Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng*

*Vốn góp thực tế đến 31/12/2011: 41.370.000.000 đồng.*

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38335798
- Fax: (84) 08.38307141

### Ngành nghề kinh doanh chính

- In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác;
- Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Kinh doanh ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 36 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                       |                   |  |
|-----------------------|-------------------|--|
| • Ông Hoàng Văn Đại   | Chủ tịch          | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009<br>Miễn nhiệm ngày 01/07/2011 |
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Chủ tịch lâm thời | Bổ nhiệm ngày 01/07/2011                               |

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bà Nguyễn Thị Lan Phương Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009
- Ông Phạm Cảnh Toàn Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 15/04/2009
- Ông Bùi Tất Tươi Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009

### **Ban Kiểm soát**

- Ông Phan Xuân Phương Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 22/04/2009
- Bà Huỳnh Thị Thùy Trang Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 22/04/2009
- Bà Đỗ Thị Phương Thảo Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 22/04/2009

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- Bà Nguyễn Thị Chung Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 15/04/2009
- Ông Nguyễn Tuấn Kiệt Phó Giám đốc Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009  
Miễn nhiệm ngày 07/12/2011
- Ông Phạm Cảnh Toàn Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 15/04/2009
- Bà Nguyễn Thị Lan Phương Kế toán trưởng Bỏ nhiệm lại ngày 15/04/2009

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### **Thay mặt Ban Giám đốc Giám đốc**

**Nguyễn Thị Chung**

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012



## CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

**Trụ sở chính**

217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 357/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28/02/2012 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Phan Xuân Vạn**

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

**Trần Thị Nở**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.569.472.363</b>	<b>62.841.766.374</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.087.125.020</b>	<b>7.449.791.508</b>
1. Tiền	111		3.287.125.020	4.449.791.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	3.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>210.564.000</b>	<b>340.593.050</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		426.423.050	426.423.050
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(215.859.050)	(85.830.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.215.716.043</b>	<b>14.248.006.357</b>
1. Phải thu khách hàng	131		16.418.507.361	12.751.332.496
2. Trả trước cho người bán	132		1.141.295.584	1.800.656.750
3. Các khoản phải thu khác	135		200.000	37.058.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(344.286.902)	(341.041.631)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>31.656.686.553</b>	<b>40.444.171.639</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.324.550.371	42.190.596.587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.667.863.818)	(1.746.424.948)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>399.380.747</b>	<b>359.203.820</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	41.694.250
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	142.580.747	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	256.800.000	317.509.570
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.327.034.153</b>	<b>32.391.566.992</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.132.777.504</b>	<b>24.388.856.261</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	389.333.248	1.137.619.170
- Nguyên giá	222		1.510.335.360	2.297.252.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.121.002.112)	(1.159.633.118)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	14.931.562.893
- Nguyên giá	228		-	14.931.562.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	8.743.444.256	8.319.674.198
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>15.457.097.599</b>	-
- Nguyên giá	241		15.729.843.457	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(272.745.858)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>840.000.000</b>	<b>1.398.975.363</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		840.000.000	1.440.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(41.024.637)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.897.159.050</b>	<b>6.603.735.368</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.897.159.050	6.603.735.368
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.896.506.516</b>	<b>95.233.333.366</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>31/12/2010 VND</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>33.300.602.533</b>	<b>49.272.449.493</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.755.588.131</b>	<b>44.785.982.391</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.060.000.000
2. Phải trả người bán	312		25.877.249.968	34.572.073.743
3. Người mua trả tiền trước	313		81.112.045	2.691.834.190
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	956.768.480	1.285.604.244
5. Phải trả người lao động	315		437.631.360	646.065.770
6. Chi phí phải trả	316	16	1.510.602.795	1.635.678.780
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	36.361.762	1.300.128.032
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.855.861.721	1.594.597.632
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.545.014.402</b>	<b>4.486.467.102</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.035.000.000	3.975.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.014.402	11.467.102
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	20	200.000.000	200.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>48.595.903.983</b>	<b>45.960.883.873</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>48.595.903.983</b>	<b>45.960.883.873</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	140.000.000	140.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(2.144.544.050)	(1.162.820.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	2.862.449.329	2.443.458.930
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	4.850.366.548	1.652.612.787
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.896.506.516</b>	<b>95.233.333.366</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Thị Lan Phương

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>92.513.448.334</b>	<b>80.114.689.533</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	394.298.953	529.497.055
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	92.119.149.381	79.585.192.478
4. Giá vốn hàng bán	11	23	77.238.787.870	66.862.546.749
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>14.880.361.511</b>	<b>12.722.645.729</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	399.853.292	1.327.784.308
7. Chi phí tài chính	22	25	213.237.607	145.803.772
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		5.189.452.631	4.548.419.338
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.179.433.190	3.845.895.965
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.698.091.375</b>	<b>5.510.310.962</b>
11. Thu nhập khác	31	26	11.888.380	43.166
12. Chi phí khác	32	27	25.247.691	184.014.444
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(13.359.311)</b>	<b>(183.971.278)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>28</b>	<b>5.684.732.064</b>	<b>5.326.339.684</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.002.069.984	1.882.237.162
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>28</b>	<b>4.682.662.080</b>	<b>3.444.102.522</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.171	851

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Lan Phương



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	87.006.098.323	84.918.973.988
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(78.769.414.514)	(75.334.985.575)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.930.797.641)	(2.995.010.116)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.041.437.256)	(2.075.475.176)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	899.073.695	1.347.470.914
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.666.124.083)	(2.897.161.899)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.497.398.524</b>	<b>2.963.812.136</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(435.133.694)	(8.821.765.107)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	6.000.000.000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(642.450.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	587.640.000	1.833.479.550
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	182.152.732	658.791.243
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>334.659.038</b>	<b>(6.971.944.314)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(981.724.050)	(755.320.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	5.300.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	(265.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.213.000.000)	(2.829.235.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.194.724.050)</b>	<b>1.450.445.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.362.666.488)</b>	<b>(2.557.687.178)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.449.791.508	10.007.478.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.087.125.020</b>	<b>7.449.791.508</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Lan Phương

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 04 năm 2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác;
- Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Kinh doanh ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### ***4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **4.8 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.12 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kết thúc niên độ.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện**

- Thuế Giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: thuộc đối tượng không chịu thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%.
- ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	313.026.918	693.505.813
Tiền gửi ngân hàng	2.974.098.102	3.756.285.695
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng)	1.800.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.087.125.020</b>	<b>7.449.791.508</b>

### 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	35.094	426.423.050	35.094	426.423.050
+ Cổ phiếu C/ty CP Sách giáo dục TP Hà Nội (EBS)	35.000	425.330.000	35.000	425.330.000
+ Cổ phiếu C/ty CP Bản đồ & Tranh ảnh giáo dục (ECI)	94	1.093.050	94	1.093.050
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (cổ phiếu EBS)		(215.859.050)		(85.830.000)
<b>Cộng</b>		<b>210.564.000</b>		<b>340.593.050</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.618.705.910	15.752.503.304
Chi phí SX, KD dở dang	2.128.844.461	1.300.726.560
Thành phẩm	21.577.000.000	25.137.366.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.667.863.818)	(1.746.424.948)
<b>Cộng</b>	<b>31.656.686.553</b>	<b>40.444.171.639</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT còn được khấu trừ	142.580.747	-
<b>Cộng</b>	<b>142.580.747</b>	<b>-</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	183.000.000	155.352.234
Ký quỹ ngắn hạn	73.800.000	157.566.600
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	4.590.736
<b>Cộng</b>	<b>256.800.000</b>	<b>317.509.570</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	798.280.564	1.235.638.426	263.333.298	2.297.252.288
Mua sắm trong năm	-	-	11.363.636	11.363.636
Chuyển sang BĐS đầu tư	798.280.564	-	-	798.280.564
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.235.638.426</b>	<b>274.696.934</b>	<b>1.510.335.360</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	192.917.802	751.934.887	214.780.429	1.159.633.118
Khấu hao trong năm	39.914.028	128.239.404	26.047.392	194.200.824
Chuyển sang BĐS đầu tư	232.831.830	-	-	232.831.830
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>880.174.291</b>	<b>240.827.821</b>	<b>1.121.002.112</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	605.362.762	483.703.539	48.552.869	1.137.619.170
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>355.464.135</b>	<b>33.869.113</b>	<b>389.333.248</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là: 635.406.314 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí mua 03 lô đất tại Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh	8.743.444.256	8.319.674.198
<b>Cộng</b>	<b>8.743.444.256</b>	<b>8.319.674.198</b>

### 12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm			-
Chuyển từ TSCĐ sang	14.931.562.893	798.280.564	15.729.843.457
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.931.562.893</b>	<b>798.280.564</b>	<b>15.729.843.457</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-		-
Chuyển từ TSCĐ sang		232.831.830	232.831.830
Khấu hao trong năm		39.914.028	39.914.028
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>272.745.858</b>	<b>272.745.858</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.931.562.893</b>	<b>525.534.706</b>	<b>15.457.097.599</b>

Là quyền sử dụng đất lâu dài và tài sản gắn liền trên đất tại số 05 Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bất động sản này hiện đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay.

### 13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	40.000	840.000.000	100.000	1.440.000.000
<i>Đầu tư vào Công ty CP Siêu thị Tổng hợp Tân An</i>	-	-	60.000	600.000.000
<i>Đầu tư vào Công ty CP TBTH Sóc Trăng</i>	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư CP Cty CP Siêu thị TH Tân An		-		(41.024.637)
<b>Cộng</b>		<b>840.000.000</b>		<b>1.398.975.363</b>

Năm 2011, Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng kinh doanh có lãi, do đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí tổ chức bán thảo	1.897.159.050	6.591.585.368
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	12.150.000
<b>Cộng</b>	<b>1.897.159.050</b>	<b>6.603.735.368</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	909.722.147	949.089.419
Thuế thu nhập cá nhân	47.046.333	336.514.825
<b>Cộng</b>	<b>956.768.480</b>	<b>1.285.604.244</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 16. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trích trước chi phí bán thảo phải trả cho NXB	685.189.356	1.024.356.609
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	825.413.439	611.322.171
<b>Cộng</b>	<b>1.510.602.795</b>	<b>1.635.678.780</b>

### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	25.334.183	81.154.632
Cổ tức phải trả năm 2010	1.975.000	1.214.975.000
Cổ tức phải trả năm 2011	-	-
Phải trả khác	9.052.579	3.998.400
<b>Cộng</b>	<b>36.361.762</b>	<b>1.300.128.032</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 18. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn (đặt cọc tiền thuê nhà)	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

### 19. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Phú Thọ	2.035.000.000	3.975.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.035.000.000</b>	<b>3.975.000.000</b>

Vay dài hạn Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng vay số 0041/PKH/10TH ngày 23/07/2010 với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân đầu tiên cho đến khi trả hết nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua bất động sản và đóng lệ phí, thuế chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư đưa vào quyền sử dụng đất tại Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh nhằm xây dựng kho chứa sách. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay trung hạn công bố theo từng thời điểm rút vốn và điều chỉnh theo từng thời kỳ. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 5 Bình Thới, Phường 11, Quận 11, TP.HCM.

### 20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền cho thuê nhà nhận trước	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	41.370.000.000	(407.500.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	2.299.135.895
Tăng trong năm	-	(755.320.000)	-	-	3.444.102.522
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.090.625.630
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>(1.162.820.000)</b>	<b>2.443.458.930</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>1.652.612.787</b>
Số dư tại 01/01/2011	41.370.000.000	(1.162.820.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	1.652.612.787
Tăng trong kỳ	-	(981.724.050)	418.990.399	-	4.682.662.080
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.484.908.319
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>(2.144.544.050)</b>	<b>2.862.449.329</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>4.850.366.548</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2011 VND	Tỷ lệ %	31/12/2010 VND
Vốn đầu tư của NXBGD	15,28	6.320.000.000	15,28	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77,47	32.050.000.000	82,31	34.050.000.000
Cổ phiếu quỹ	7,25	3.000.000.000	2,41	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>41.370.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	300.000	100.000
- Cổ phiếu thường	300.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.837.000	4.037.000
- Cổ phiếu thường	3.837.000	4.037.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### d. Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu SGD trên thị trường. Công ty đã mua lại 300.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ ngày 07/12/2009 đến ngày 20/12/2011.

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.652.612.787	2.299.135.895
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.682.662.080	3.444.102.522
Phân phối lợi nhuận	1.484.908.319	4.090.625.630
- Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	418.990.399	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	852.734.336	688.820.504
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (ii)	213.183.584	172.205.126
- Chia cổ tức	-	3.229.600.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>4.850.366.548</b>	<b>1.652.612.787</b>

- (i) Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính được bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển
- (ii) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 04/4/2011 về dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2011

## 22. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92.513.448.334</b>	<b>80.114.689.533</b>
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	80.865.339.427	78.374.147.305
+ Doanh thu bán giấy ruột	9.425.143.907	-
+ Doanh thu hoạt động khác	2.222.965.000	1.740.542.228
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>394.298.953</b>	<b>529.497.055</b>
+ Hàng bán bị trả lại	394.298.953	529.497.055
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>92.119.149.381</b>	<b>79.585.192.478</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	66.624.503.473	64.677.897.130
Giá vốn giấy ruột	9.499.370.527	-
Giá vốn hoạt động khác	1.193.475.000	1.316.228.671
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(78.561.130)	868.420.948
<b>Cộng</b>	<b>77.238.787.870</b>	<b>66.862.546.749</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	81.906.599	428.678.470
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	432.871.690
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.912.800	184.112.800
Chiết khấu thanh toán nhanh	129.909.588	282.121.348
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.124.305	-
<b>Cộng</b>	<b>399.853.292</b>	<b>1.327.784.308</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chiết khấu thanh toán	111.873.194	90.824.135
Lỗ đầu tư tài chính dài hạn (Siêu thị Tổng hợp Tân An)	12.360.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	89.004.413	54.979.637
<b>Cộng</b>	<b>213.237.607</b>	<b>145.803.772</b>

### 26. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	11.363.636	-
Thu nhập khác	524.744	43.166
<b>Cộng</b>	<b>11.888.380</b>	<b>43.166</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thuế TNCN, thuế GTGT truy thu từ 2006 - 2008	-	183.799.577
Nộp phạt thuế	24.322.268	-
Chi phí khác	925.423	214.867
<b>Cộng</b>	<b>25.247.691</b>	<b>184.014.444</b>

### 28. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.684.732.064	5.326.339.684
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(490.532)	15.020.110
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	88.422.268	199.132.910
Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	88.912.800	184.112.800
Tổng thu nhập chịu thuế	5.684.241.532	5.341.359.794
- Thu nhập được miễn giảm thuế TNDN theo TT154/2011/BTC	5.586.538.647	-
- Thu nhập không được miễn giảm thuế TNDN	97.702.885	5.341.359.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.421.060.383	1.335.339.949
Thuế TNDN được giảm 30% theo TT 154/2011/BTC	418.990.399	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.002.069.984	1.882.237.162
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	1.002.069.984	1.335.339.949
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	546.897.213
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.682.662.080</b>	<b>3.444.102.522</b>

### 29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.682.662.080	3.444.102.522
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.682.662.080	3.444.102.522
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.998.748	4.046.996
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.171</b>	<b>851</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.286.529.896	5.502.632.480
Chi phí nhân công	3.306.139.295	2.543.619.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.114.852	285.897.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.145.974.024	20.511.950.953
Chi phí khác bằng tiền	2.443.437.663	3.405.037.140
<b>Cộng</b>	<b>41.416.195.730</b>	<b>32.249.137.543</b>

### 31. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 04/04/2011 thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 là 8%/vốn điều lệ. Trong đó: 5% đã được chi trả trong năm 2010 và Công ty cũng đã chi trả 3% còn lại vào tháng 4/2011.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 502/NQHĐQT-SGD ngày 07/12/2011 đã thông qua tạm ứng cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%/vốn điều lệ. Ngày 12/01/2012, Công ty tiến hành chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức và chi trả trong tháng 2/2012.

### 32. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. HCM	Công ty đầu tư
CN. NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH TP HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	5.627.238.870
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	3.197.285.960
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	1.653.196.221
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Cung ứng sách tham khảo	551.590.237
Công ty CP Sách TBTH TP HCM	Cung ứng sách tham khảo	1.400.560.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng sách tham khảo	837.619.200
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	933.272.036
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	632.760.829
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Nhập giấy, tem	1.919.711.000
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	135.038.500
NXBGD tại TP. HCM	Thuê mặt bằng, phí q/ly XB	444.683.100
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	4.446.977.376
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	4.057.616.586
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	6.616.621.403
Công ty CP Sách ĐH dạy nghề	Nhập sách tham khảo	2.349.456.885
Công ty CP Sách Dân Tộc	Nhập sách, tiền bản thảo	2.770.311.882
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	7.059.658.210
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	693.077.340
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	3.238.435.247
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách, tiền bản thảo	535.204.902
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách	6.061.714.302
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách	1.682.955.860
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Nhập sách tham khảo	686.976.860



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **c. Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Phải thu VND</b>	<b>Phải trả VND</b>
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	266.422.051	
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	972.447.766	
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	617.263.426	
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	285.626.277	
Công ty CP Sách TBTH TP HCM	232.335.251	
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	11.324.387	
NXBGD tại TP. Hà Nội		2.791.868.217
NXBGD tại TP. Đà Nẵng		819.564.245
NXBGD tại TP. HCM		715.553.994
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục		1.355.342.067
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng		1.906.177.814
Công ty CP Sách ĐH dạy nghề		1.102.492.248
Công ty CP Sách Dân Tộc		996.983.791
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam		167.838.916
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội		519.775.079
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông		371.060.412
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định		581.031.047
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội		3.114.091.988
Công ty CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng		2.051.957.620

### **33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **34. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Chung**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

*Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012*